TÒA ÁN N DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/4/2023.
V/v "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm N dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nhung.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều, thư ký Tòa án N dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXX-ST ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị Kim P** - sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 119/3 Hồ Văn Ngà, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang.

* *Bị đơn*: **Anh Lê Trọng N** - sinh năm: 1988**.**

Địa chỉ: Số 119/3 Hồ Văn Ngà, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày: Chị và anh N sống chung vào năm 2014, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân Phường M vào ngày 26/02/2014. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên N là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã tìm nhiều cách để khắc phục nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Nguyễn Phước N Đ, sinh ngày 31/8/2014 và Lê Ngọc An N1, sinh ngày 02/10/2019. Hiện cháu N Đ sống chung với anh N, cháu An N1 sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu Lê

Ngọc An N1, cháu Lê Nguyễn Phước Nhân Đ giao cho anh N được nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Trọng N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị P.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh N là có thật, thời gian ly thân kéo dài, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N đều vắng mặt nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị P.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác Đ quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy Đ tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn N và gia đình.

[2] Về thẩm quyền gải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 119/3 Hồ Văn Ngà, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang nên Tòa án N dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P, Tòa xét thấy: Chị P trình bày nguyên N phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn N không hạnh phúc, anh chị đã ly thận từ tháng 4/2022 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng anh N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Qua đó cho thấy, anh N không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn N với chị P. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắng được, mục đích hôn N không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh N.

[5] Về con chung: Xét thấy, cháu N Đ đang sống chung với anh N, cháu An N1 đang sống chung với chị P. Do đó yêu cầu nuôi con chung của chị P là có cơ sở nên Toà án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên Toà án không xem xét. Về nợ chung: Chị P khai không có nên Toà án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy Đ pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận Đ trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn N và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Lê Trọng N.

Về con chung:

- Giao cháu Lê Nguyễn Phước N Đ, sinh ngày 31/8/2014 cho anh Lê Trọng N được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Giao cháu Lê Ngọc An N1, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim P được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Lê Trọng N và chị Nguyễn Thị Kim P được quyền thăm nom hai con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

2. Án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023275 ngày 18/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án N dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).